

Số: 1154/QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Bình Minh tại phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Phát triển Địa ốc Bình Minh

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Tờ trình số 4852/TTr-CCBVM ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Bảo vệ môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Bình Minh tại phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Phát triển Địa ốc Bình Minh;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng Khu nhà ở Bình Minh (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Phát triển Địa ốc Bình Minh (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình



Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TNMT (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Xây dựng;
- UBND thị xã Bến Cát;
- UBND phường Chánh Phú Hòa;
- Lưu: VT, CCBVMT, ThHa8.



GIÁM ĐỐC


Ngô Quang Sự

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU NHÀ Ở BÌNH MINH, DIỆN TÍCH
193.319,7M² TẠI PHƯỜNG CHÁNH PHÚ HÒA, THỊ XÃ BẾN CÁT**

*(Kèm theo Quyết định số ~~1151~~/QĐ-STNMT ngày 14 tháng 11 năm 2022
của Sở Tài nguyên và Môi trường)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng khu nhà ở Bình Minh.
- Địa điểm thực hiện: phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH tư vấn đầu tư và phát triển địa ốc Bình Minh.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Đầu tư xây dựng và vận hành Khu nhà ở Bình Minh trên khu đất có diện tích 193.319,7m², trong đó: đất ở 96.122,4m² (nhà ở thương mại là 76.333,1m², nhà ở xã hội là 19.789,3m²), đất giáo dục 3.574,2m², đất giao thông 76.864,0m², đất cây xanh 5.878,2m², đất cây xanh cách ly 1.865,8m², đất hạ tầng kỹ thuật 8.259,7m², đất mặt nước 525,6m² (hồ cảnh quan), đất hành lang an toàn đường bộ 229,8m².

- Dự án khu nhà ở Bình Minh có dân số 3.923 người, 1.305 căn (theo Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 11 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Bình Minh, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình đã xây dựng

- Các tuyến đường giao thông nội bộ (hiện nay đã san nền toàn khu, rải đá, xây dựng bó vỉa).
- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, hệ thống thu gom nước thải.

1.3.2. Các hạng mục công trình chưa xây dựng:

- Khu nhà ở liền kề với số lượng 1.305 căn; 01 trường mầm non có diện tích 3.574,2m².

- Hạng mục công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường như sau: 1.305 bể tự hoại thể tích 3m³/bể đặt tại từng căn nhà; 01 bể tự hoại thể tích 10m³ đặt tại trường mầm non; trạm xử lý nước thải tập trung công suất 800 m³/ngày, công trình xử lý mùi hôi trạm xử lý nước thải công suất 1.500 m³/giờ; khu vực tập kết rác diện tích 50m² đặt tại phần đất hạ tầng kỹ thuật (trong đó khu vực chứa chất thải thông thường 40 m², khu vực chứa chất thải nguy hại 10 m²).

- Hệ thống công viên cây xanh, cây xanh vỉ hè và cây xanh cách ly.



- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật của khu nhà ở: hệ thống cấp nước, hệ thống cấp điện, hệ thống chiếu sáng, chống sét, hệ thống thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy...

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án và các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu: phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường (*chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng*), chất thải nguy hại và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, cháy nổ.

2.2. Trong giai đoạn vận hành

- Hoạt động vận hành Khu nhà ở Bình Minh phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại và nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ, tai nạn giao thông.

- Hoạt động thu gom, xử lý nước thải, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn phát sinh mùi hôi, bùn thải, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của 100 công nhân xây dựng với lưu lượng khoảng 05 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (COD/BOD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật gây bệnh.

- Nước thải vệ sinh phương tiện, máy móc, thiết bị thi công, rửa xe ra vào công trình xây dựng giai đoạn thi công xây dựng khoảng 4,1 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), dầu mỡ khoáng, ...

b) Khí thải

Hoạt động thi công các hạng mục công trình; vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải và hoạt động của các thiết bị thi công, hoạt động chà nhám, sơn tường... phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải (*như: TSP, CO, SO₂, NO₂, VOC...*).

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân giai đoạn xây dựng với khối lượng khoảng 50 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, thùng chứa, giấy, chai lọ...

- Chất thải rắn thông thường: phế liệu từ quá trình xây dựng (*sắt, thép, giấy, bao bì,...*) và chất thải tro (*đất đá thải, gạch vỡ, bê tông thừa,...*) với khối

lượng khoảng 1.800 tấn trong toàn thời gian xây dựng, đất dôi dư từ hoạt động đào hồ cảnh quan, các công trình xử lý nước thải với khối lượng 6.463 m³/ngày.

- Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng khoảng 495,6 kg/năm. Thành phần chủ yếu như dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, các thùng chứa dầu, thùng chứa sơn, ...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động đào đất, chuẩn bị mặt bằng, vận chuyển vật liệu xây dựng, thi công và xây lắp hạ tầng kỹ thuật, công trình, hàn cắt kim loại, trải nhựa đường trong quá trình thi công xây dựng.

3.1.4. Các tác động khác (nếu có)

- Các chất thải rơi vãi trong quá trình vận chuyển vật liệu ảnh hưởng đến giao thông trên đường ĐT.741- cầu Ông Lốc.

- Sự cố sạt lở, sụt lún trong quá trình xây dựng ảnh hưởng đến các khu đất xung quanh.

3.2. Trong giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

Nước thải sinh hoạt của dân cư từ các căn hộ, trường mầm non với lưu lượng khoảng 615,1 m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (COD/BOD), các chất dinh dưỡng (N, P), amoni, vi sinh vật gây bệnh và dầu mỡ động thực vật.

b) Khí thải

- Bụi, khí thải từ hoạt động giao thông của khu nhà ở, từ quá trình đun nấu. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là NO_x, SO₂, CO, VOC.

- Mùi phát sinh từ hệ thống thu gom nước thải, hệ thống xử lý nước thải và các vị trí tập trung chất thải rắn chờ vận chuyển đi xử lý. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là NH₃, H₂S, Mercaptan,

3.2.2 Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt từ các căn hộ, trường mầm non, khu công viên với khối lượng khoảng 4.219 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường gồm: bùn thải từ bể tự hoại với khối lượng khoảng 69kg/ngày và bùn thải từ trạm xử lý nước thải với khối lượng khoảng 0,3m³/ngày.

b) Chất thải nguy hại

Chất thải rắn nguy hại có thành phần chủ yếu như bóng đèn thải, thủy tinh hoạt tính thải; pin, ắc quy thải; hộp chứa thuốc diệt côn trùng thải; các thiết bị,

H. C. A.
SỞ
YÊN
TRƯỜNG
V. H. D.

linh kiện điện tử thải, dầu nhớt thải, bao bì dính thành phần nguy hại thải, than hoạt tính thải... với khối lượng phát sinh khoảng 1.933 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh phương tiện vận chuyển ra vào khu nhà ở; hoạt động của trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý mùi hôi.

3.2.4. Các tác động khác

Sự cố môi trường từ hệ thống xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành; sự cố sạt lở bờ suối Ông Lốc.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

a) Đối với nước thải

- Nước thải phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng → 03 Nhà vệ sinh lưu động → Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý đúng quy định.

- Nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng (bao gồm nước thải rửa xe, nước thải rửa thiết bị máy móc) → Bể lắng cát (xây bằng gạch, thể tích 16 m³, kích thước 4m x 2m x 2m) → Bể tách dầu mỡ (xây bằng gạch, đáy bê tông có thể tích 1 m³, kích thước 2 m x 0,5m x 1m) → Tận dụng phun tưới ẩm để hạn chế bụi. Dầu mỡ thải thu gom cho vào thùng chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý đúng quy định.

b) Đối với khí thải

- Thực hiện các giải pháp thi công công trình tuân thủ đúng thiết kế, giấy phép xây dựng và các quy định khác của ngành xây dựng. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án trong quá trình thi công xây dựng.

- Thực hiện các biện pháp kỹ thuật và quản lý giảm thiểu phát tán bụi trong quá trình thi công xây dựng và vận chuyển; kiểm tra giám sát, vệ sinh các phương tiện giao thông ra vào công trường, đảm bảo không gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động giao thông và cộng đồng dân cư gần khu vực dự án. Xây dựng kế hoạch, thời gian thi công hợp lý.

- Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT).

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn

thông thường

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân → Thùng rác 120 lít (6 thùng) có nắp đậy tại khu vực chứa chất thải sinh hoạt tạm thời diện tích 10m², gần khu vực công ra vào dự án → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển rác thải đến nơi xử lý đúng quy định, định kỳ 01 lần/ngày.

- Phế liệu từ quá trình xây dựng (sắt, thép, giấy, bao bì,...) → Tái sử dụng hoặc lưu giữ tại kho chứa diện tích 100m² đặt gần khu vực công ra vào dự án, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có nhu cầu sử dụng.

- Đất từ quá trình đào (hồ cảnh quan, hệ thống xử lý nước thải), chất thải rắn tro (đất đá thải, gạch vỡ, bê tông thừa,...) → San lấp tại chỗ.

- Chất thải rắn, bùn thải từ nhà vệ sinh lưu động phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 8 m² gần khu vực chứa chất thải sinh hoạt tạm thời → Chuyển giao cho đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh. Định kỳ kiểm tra kỹ thuật, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số về khí thải, độ ồn, rung đạt quy định của Cục đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường.

- Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT).

4.2. Trong giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a) Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải từ nhà vệ sinh các căn hộ, trường mầm non → Thu gom bằng

đường ống uPVC D60mm, D90mm, D114mm → Bể tự hoại tại từng căn hộ (1.305 bể với thể tích $3m^3/\text{bể}$), trường mầm non (thể tích $10m^3$) → Thu gom bằng đường ống uPVC D114mm → Mạng lưới thu gom nước thải chung bằng đường ống HDPE D200mm, D300mm → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải nhà bếp (từ căn hộ, trường mầm non) + Nước thải rửa tay, giặt giũ, tắm rửa → Tách rác, mỡ → Thu gom bằng đường ống uPVC D34mm, D42mm, D60mm, D110mm → Mạng lưới thu gom nước thải chung bằng đường ống HDPE D200mm, D300mm → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $800m^3/\text{ngày}$ đêm được chia làm 02 giai đoạn (công suất mỗi giai đoạn là $400m^3/\text{ngày}$ đêm, giai đoạn 1 sẽ lắp đặt máy móc, thiết bị để vận hành, xử lý nước thải phát sinh từ khu nhà ở, sau khi nước thải đạt 80% công suất xử lý của giai đoạn 1, chủ đầu tư tiến hành lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ cho giai đoạn 2), quy trình công nghệ xử lý: Nước thải → Hồ thu → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hoà (chia làm 02 ngăn) → Bể sinh học thiếu khí (chia làm 02 ngăn) → Bể sinh học hiếu khí (chia làm 02 ngăn) → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bể chứa → Tuyến thoát nước thải sau xử lý với chiều dài 787m (gồm đường ống HDPE D200mm, dài 107m và đường ống uPVC D200mm, dài 680m) → Suối Ông Lóc.

- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K =1. Vị trí đầu nối nước thải vào suối Ông Lóc tại toạ độ X: 601872,32; Y: 1231843,97.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải, mùi hôi

- Toàn bộ đường giao thông nội bộ, khuôn viên của khu nhà ở phải được trải nhựa, đổ bê tông để giảm thiểu việc lôi cuốn bụi từ mặt đất.

- Trồng cây xanh dọc các tuyến đường nội bộ, khuôn viên của khu nhà ở. Bố trí cây xanh cách ly xung quanh hệ thống xử lý nước thải đảm bảo theo QCVN 01-2021/BXD tối thiểu 15m, cụ thể: phía Đông, phía Nam và phía Bắc là 15m; phía Tây là 25m.

- Mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải → Hệ thống đường ống uPVC D300 – 350 mm → Quạt hút (công suất $1.500 m^3/\text{giờ}$) → Tách ẩm → Hấp phụ bằng than hoạt tính (tháp hình trụ, kích thước $0,6 \times 2 (m)$) → Ống thải (đường kính D250m, chiều cao 4m).

- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 1,0$, $K_v = 0,8$); Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Rác thải phát sinh từ căn hộ, trường mầm non → Tập kết về khu tập trung rác thải diện tích 50m² đặt tại phần đất hạ tầng kỹ thuật sát trạm xử lý nước thải (trong đó khu vực chứa chất thải rắn thông thường diện tích 40m² và chất thải nguy hại 10 m²) → Hợp đồng với đơn vị thu gom rác của địa phương để thu gom 01 lần/ngày.

- Bùn phát sinh từ trạm xử lý nước thải → Bể chứa bùn (thể tích 103 m³) Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Bùn thải hầm tự hoại, bùn nạo vét cống rãnh → Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo Quy định Bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại phát sinh từ dự án → Tự phân loại → Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại diện tích 10 m² đặt tại phần đất hạ tầng kỹ thuật phía Đông Nam.

- Khu vực chứa chất thải nguy hại có độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt; mặt sàn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, sàn bảo đảm kín khít, không rạn nứt, bằng vật liệu chống thấm, chịu ăn mòn, không có khả năng phản ứng hóa học với chất thải nguy hại, tường và vách ngăn bằng vật liệu không cháy; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại; có phân chia ô hoặc bộ phận riêng cho từng loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại; có dấu hiệu cảnh báo có dán các bảng phân khu vực.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

K.H.C.
SỞ
GUYỄN
TRU
TỈNH

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng nội quy khu nhà ở quy định cụ thể giờ các phương tiện ra vào khu nhà ở. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật, kiểm tra giám sát các phương tiện giao thông ra vào khu nhà ở, đảm bảo không gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng, dân cư gần khu vực dự án.

- Trạm xử lý nước thải tập trung được xây dựng ngầm, âm, kín, có hệ thống hút và xử lý mùi, không có máy làm khô bùn, các bể được xây dựng ngầm dưới mặt đất (*đỉnh cao hơn mặt đất 30cm*), được trồng cây xanh cách ly quanh trạm tối thiểu 10m, khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường từ trạm đến các căn hộ tối thiểu 15m.

- Để hạn chế tiếng ồn phát sinh do hoạt động của trạm xử lý nước thải, lắp đặt máy thổi khí có vòng tua thấp để tiếng ồn phát ra thấp, lắp đặt ống giảm thanh, chống rung cho máy thổi khí đồng thời máy đặt trong nhà điều hành có đế cao su chống rung, nhà điều hành có cửa thiết kế chống ồn; Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thiết bị, tra dầu, thay bạc đạn đảm bảo tuổi thọ cho máy nhằm giảm thiểu tiếng ồn do máy móc không bảo trì gây ra.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách hoặc quá tải trong việc tiếp nhận nước thải; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi nước thải sau hệ thống xử lý không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Thiết kế đường ống và bơm để tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa, trong trường hợp bể điều hòa không đảm bảo, sẽ tiến hành lưu chứa tại bể sinh học thiếu khí hoặc bể sinh học hiếu khí để tăng thời gian; tăng cường công suất máy thổi khí của bể hiếu khí khi có sự cố; chuẩn bị men vi sinh dự phòng cho bể kỵ khí. Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường nước trước khi xả ra môi trường tiếp nhận.

- Xây dựng đầy đủ các công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật và thực tiễn đảm bảo an toàn về môi trường; thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố

môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của dự án được thiết kế tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Nước mưa của dự án → Tuyến cống BTCT D500mm - D1800mm → Cống thoát nước BTCT D1800mm, dài 680m (ngoài ranh dự án) → Suối Ông Lốc.

- Tổ chức thoát nước mưa và nước thải sau xử lý cho Dự án theo phương án đã được phê duyệt tại Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 11 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nhà ở Bình Minh, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương; Văn bản số 1289/UBND-KT ngày 28 tháng 04 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát về việc chấp thuận chủ trương cho Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư và Phát triển Địa ốc Bình Minh được điều chỉnh vị trí đầu nổi thoát nước mưa, nước thải sau xử lý của dự án Khu nhà ở Bình Minh vào suối Ông Lốc; có phương án gia cố suối Ông Lốc nhằm hạn chế sạt, lở bờ suối khi tiếp nhận nước mưa, nước thải sau xử lý từ dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình giám sát trong giai đoạn thi công xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- Vị trí giám sát: 02 điểm (01 điểm ở công ra vào dự án ở phía Bắc giáp giáp đường ĐT 741 – cầu Ông Lốc và 01 điểm ở giữa công trường).

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO₂, độ rung.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: các điểm tập kết chất thải rắn, chất thải nguy hại.

- Thông số giám sát: thành phần và khối lượng.

5.2. Chương trình giám sát trong giai đoạn vận hành:

5.2.1. Giám sát nước thải:

+ Vị trí giám sát: Sau hệ thống xử lý nước thải.

+ Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, TSS, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), Phosphat PO₄³⁻ (tính theo P), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms.

+ Tần suất: 03 tháng/lần.



(Handwritten signature)

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K = 1.

5.2.2. Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Vị trí giám sát: các điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt, nhà chứa chất thải nguy hại.

- Thông số và tần suất giám sát: Theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có)

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án. Đảm bảo an toàn đối với các công trình ngầm theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD.

- Kiểm tra, quản lý chặt chẽ các chất thải từ các quá trình thi công; thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, trật tự, vệ sinh và phòng, chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Tuân thủ các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm; thực hiện công khai phiếu kết quả quan trắc chất thải định kỳ trên trang thông tin điện tử của chủ dự án hoặc công khai trên bảng thông tin điện tử đặt tại công dự án theo quy định.

- Trong quá trình thực hiện, nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án sau khi đã hoàn thành công trình xử lý chất thải, trước khi vận hành thử nghiệm và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để xem xét, cấp phép; hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 43 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.